



# TẬP ĐOÀN THAIOIL

---

## Danh Mục Sản Phẩm



# GIỚI THIỆU

Tập đoàn Thairoil là nhà máy lọc dầu và là nhà cung cấp các chế phẩm dầu mỏ lớn nhất Thái Lan. Được thành lập vào năm 1961, hiện chúng tôi đang vận hành một trong những nhà máy lọc dầu hiệu quả hàng đầu ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương với công suất 275.000 thùng / ngày.

Tập đoàn Thairoil được vận hành theo nguyên tắc Hoạt Động Xuất sắc, chúng tôi điều hành một chuỗi các doanh nghiệp trong lĩnh vực từ lọc dầu, sản xuất các sản phẩm hóa dầu cho tới dầu gốc bôi trơn. Ngoài ra chúng tôi còn có các doanh nghiệp liên kết để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, ví dụ: sản xuất điện, dung môi, sản xuất năng lượng tái tạo, LAB: sản xuất chất hoạt động bề mặt, vận hành trung tâm thương mại quốc tế và kho bạc, cũng như cung cấp dịch vụ tuyển dụng nhân sự cho tập đoàn và các công ty con.

Tập đoàn Thairoil đã và đang dẫn đầu ngành công nghiệp lọc dầu Thái Lan thông qua việc tích hợp một quy trình sản xuất được tối ưu, mang lại năng suất hoạt động cao nhất. Chất lượng sản phẩm của chúng tôi luôn được đánh giá cao, nằm trong nhóm các nhà máy lọc dầu hàng đầu ở Châu Á Thái Bình Dương, với chi phí sản xuất được tối ưu, mang đến cho Thairoil một lợi thế cạnh tranh lớn.



## Tập đoàn Thairoil hiện đang sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau



Thai Oil Public Company Limited

Kinh doanh xăng dầu



Thai Paraxylene Company Limited

Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu



Thai Lube Base Public Company Limited

Kinh doanh các sản phẩm dầu gốc bôi trơn



LABIX Company Limited

Kinh doanh chất tẩy rửa LAB



Topnext International Company Limited

Kinh doanh dung môi & hóa chất công nghiệp



Sak Chaisidhi Company Limited



TOP Solvent (Vietnam) Limited liability Company



PT Tirta Surya Raya (Indonesia)



JSKem Pte Ltd (Singapore)



# NỘI DUNG

## Nhóm Sản Phẩm Xăng Dầu

Xăng nhiên liệu	1	Trang
Lưu huỳnh	2	
Dầu Naphtha	2	
Dầu Diesel	3	
Khí ga hóa lỏng	3	
Xăng cho máy bay/ Dầu hỏa	4	
Dầu nhiên liệu	5	

## Nhóm Sản Phẩm Dầu Nhờn

Dầu Gốc	6	Trang
Sáp	7	
Chiết Xuất	8	
Nhựa Đường	9	

## Nhóm Sản Phẩm Aromatic

Paraxylene	10	Trang
Benzene	10	
Toluene	11	
Mixed Xylene (Isomer)	11	

## Nhóm Sản Phẩm LABIX

Linear Alkyl Benzene (LAB)	12	Trang
Heavy Alkyl Benzene (HAB)	12	
Raffinate (White Spirit)	13	

## Dung Môi & Hóa Chất

Dung môi Hydrocarbon	14	Trang
Dung môi hóa chất	15	

# NHÓM SẢN PHẨM XĂNG DẦU

Tập đoàn Thaioil có sản lượng sản xuất 12.000 triệu lít xăng dầu mỗi năm, chiếm khoảng 21% tổng sản lượng của Thái Lan, và đáp ứng được 35% nhu cầu tiêu thụ ở trong nước. Với quy trình sản xuất được tối ưu hóa tối đa giúp chúng tôi luôn giữ vững vị thế là nhà sản xuất xăng dầu hàng đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.



## XĂNG NHIÊN LIỆU

Tập đoàn Thaioil là một trong những nhà tiên phong ở Thái Lan sản xuất xăng theo tiêu chuẩn Euro IV với những thay đổi trong đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, như giảm hàm lượng lưu huỳnh từ 500 ppm xuống dưới mức 50 ppm, giảm lượng oxit lưu huỳnh và khí thải carbon monoxide, oxit nitơ.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>UG95</b>	RON	95 Min	ASTM D 2699
<b>Gasoline 95</b>	RVP	62 kPa Max	ASTM D 4953
<b>Mogas 95 RON</b>	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
<b>UG91</b>	RON	91 Min	ASTM D 2699
<b>Gasoline 91</b>	RVP	70 kPa Max	ASTM D 4953
<b>Mogas 91 RON</b>	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
<b>UG92</b>	RON	92 Min	ASTM D 2699
<b>Gasoline 92</b>	RVP	70 kPa Max	ASTM D 4953
<b>Mogas 92 RON</b>	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
<b>GB95</b>	RON	91 Min	ASTM D 2699
<b>G-Base 95</b>	RVP	54.5 kPa Max	ASTM D 4953
<b>Gasoline Base 95</b>	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
<b>GB91</b>	RON	87 Min	ASTM D 2699
<b>G-Base 91</b>	RVP	54.5 kPa Max	ASTM D 4953
<b>Gasoline Base 91</b>	SULFUR	50 PPM Max	ASTM D 2622
<b>Gasohol 91</b>	RON	91 Min	ASTM D 2699
	RVP	62 kPa Max	ASTM D 4953
	Sulphur	50 PPM Max	ASTM D 2622
	Ethanol	10% Max	ASTM D4815 / D 6839

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>Gasohol 95</b>	RON	91 Min	ASTM D 2699
	RVP	62 kPa Max	ASTM D 4953
	Sulphur	50 PPM Max	ASTM D 2622
	Ethanol	10% Max	ASTM D4815 / D 6839
<b>Gasohol E20, E20</b>	RON	95 Min	ASTM D 2699
	RVP	64 kPa Max	ASTM D 4953
	Sulphur	50 PPM Max	ASTM D 2622
	Ethanol	20% Max	ASTM D4815 / D 6839



## LŨU HUỖNH

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>Sulphur</b>	Purity	99.5 Min	SMS 754-85
<b>Molten Sulphur</b>	Mineral Matter	-	SMS 754-85
<b>Liquid Sulphur</b>	Organic Matter	-	SMS 754-85
	Acidity	0.01 Max	SMS 754-85
	Moisture Content	0.05 Max	SMS 754-85



## ĐẦU NAPHTHA

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>Light Naptha</b>	RON	70 Min	ASTM D 2699
	RVP	13 PSI Max	ASTM D 6378
	Sulphur	8 PPM Max	ASTM D 5453/ D 2622
	Mercury	5 wt. PPB Max	UOP938
<b>Heavy Naptha</b>	Density	0.73—0.78 KG/L	ASTM D 4052
	N + A	35% Vol Min	ASTM D 6839
	Sulphur	35 PPM Max	ASTM D 5453/ D 2622



## DẦU DIESEL

Tập đoàn Thairoil là một trong những nhà máy đầu tiên sản xuất và phân phối dầu nhiên liệu động cơ theo tiêu chuẩn Euro IV ở Thái Lan. Với hàm lượng lưu huỳnh thấp hơn 7 lần so với các tiêu chuẩn trước đây, giúp giảm lượng khí thải ôxít lưu huỳnh, carbon monoxide và oxít nitơ, cũng như muội than và khói đèn vào bầu khí quyển, ngoài ra còn góp phần làm hiệu suất xuất hoạt động của động cơ.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>Gasoil 50 ppm</b>	Density @ 15°C	0.81-0.87	ASTM D 4052
<b>Gasoil 0.005% Sulphur</b>	ASTM Color	2 Max	ASTM D 1500
<b>High Speed Diesel</b>	Cetane Number	50 Min	ASTM D 613
<b>High Speed Diesel (Base), B0</b>			
<b>Gasoil 500 ppm</b>	Density @ 15°C	0.81-0.87	ASTM D 4052
<b>Gasoil 0.05% Sulphur</b>	ASTM Color	4 Max	ASTM D 1500
<b>High Speed Diesel</b>	Cetane Number	50 Min	ASTM D 613
<b>Fisher Gasoil</b>	Total Sulphur content	0.7% Max	ASTM D 2622
<b>Gas oil 0.7% Sulphur</b>	Flash Point	60 P Mcc. Min	ASTM D 93
	Density @ 15°C	1.8-4.1	ASTM D 4052
	ASTM Color	Green	ASTM 2392 or visual
	Cetane Number	47 Min	ASTM D 613



## KHÍ GAS HÓA LỎNG

Khí Gas sau khi khai thác ở mỏ được hóa lỏng để thuận tiện cho việc vận chuyển và lưu trữ. Khí Gas hóa lỏng được sử dụng cho mục đích nấu ăn cũng như nhiên liệu động cơ ô tô và trong các nhà máy công nghiệp.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>LPG</b>	Vapour Pressure @ 37.8°C	1380 kPa Max	ASTM D 1267
	95% Boiling Point @ 2.2°C	760 mmHg Max	ASTM D 1837
	Copper Strip Corrosion	No.1	ASTM D 1838



## XĂNG CHO MÁY BAY/ DẦU HỎA

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>Jet A-1</b>	Flash Point, Abel	38.0°C Min	IP170
<b>Aviation Fuel</b>	Saybolt Color	+20 Min	ASTM D 156
<b>Aviation Turbine</b>	Mercaptan Sulphur	0.003% wt Max	ASTM D 3227
<i>DEF STAN 91-091 Issue 12, Sept 2020</i> <i>AFQRJOS Issue 32, Nov 2020</i>			
<b>JP 8</b>	Particulate contamination	1.0 mg/L Max	ASTM D 5452
	Final Boiling Point	300°C Max	ASTM D 86
	Flash Point, Abel	38.0°C Min	IP 170
	Freezing Point	-47°C Max	ASTM D2386
	Viscosity	8.0 mm <sup>2</sup> /sMax	ASTM D445
<b>Kerosene</b>	Final Boiling Point	300°C Max	ASTM D 86
	Flash Point, Abel	38.0°C Min	IP 170





## DẦU NHIÊN LIỆU

1. Fuel Oil A (FOA) là loại dầu nhiên liệu trong suốt, có độ nhớt thấp dưới 80 centistokes tại 50°C và hàm lượng lưu huỳnh thấp. FOA thích hợp để sử dụng trong các thiết bị đốt cháy sạch như lò nung dùng trong sản xuất gạch.
2. Fuel Oil C (FOC) là loại dầu nhiên liệu có độ nhớt trung bình, khoảng 180 centistokes tại 50°C, và có hàm lượng lưu huỳnh 2% theo khối lượng hoặc thấp hơn. FOC được sử dụng trong các nhà máy vừa và lớn để vận hành động cơ, tua-bin hơi nước để phát điện, hoặc được sử dụng trong các lò luyện kim loại, xi măng.
3. Dầu động cơ tàu thủy, Bunker Fuel, 3.5% lưu huỳnh và Fuel oil IMO 0.5% là các loại nhiên liệu có độ nhớt cao 380 centistokes, được sử dụng để vận hành các động cơ trên tàu biển dương. Hàm lượng lưu huỳnh có thể tối đa là 0,5%, 3,5% hoặc 4,0% theo trọng lượng.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>FOA</b>	Sulphur	2% Max	ASTM D 4294
<b>FO 2% Sulphur 80cSt</b>	Density @15°C	0.985 Max	ASTM 4052
	Viscosity, Kinematic @ 40°C	7-80 mm <sup>2</sup> /s Max	ASTM D 445
<b>FOC</b>	Sulphur	2% Max	ASTM 4294
<b>FO 2% Sulphur 180cSt</b>	Density @15°C	0.990 Max	ASTM D 4052
	Viscosity, Kinematic @ 50°C	81-180 mm <sup>2</sup> /s Max	ASTM D 445
	Pourpoint	24C Max	AASTM D 97
<b>Bunker 3.5%</b>	Sulphur	3.5% Max	ASTM D 4294
<b>FO 3.5% Sulphur</b>	Aluminium (Al) + Silicon (Si)	80 Max	IP 501
	Density @15°C	0.990 Max	ASTM D 4052
	Viscosity, Kinematic @ 50°C	380 mm <sup>2</sup> /s Max	ASTM D 445
<b>FO IMO 0.5%</b>	Sulphur	0.5 % Max	ASTM D 4294
<b>VLSFO</b>	Aluminium (Al) + Silicon (Si)	60 Max	IP 501
<b>FO 0.5%S</b>	Density @15°C	0.990 Max	ASTM D 4052
	Viscosity, Kinematic @ 50°C	180 mm <sup>2</sup> /s Max	ASTM D 445

### Thông Tin Liên Hệ

 <https://www.thaioilgroup.com/en/contact-us/>

 Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000

# NHÓM SẢN PHẨM DẦU NHỜN



## DẦU GỐC

Dầu gốc là sản phẩm của quá trình chưng cất dầu thô, đã qua quá trình cải tiến chất lượng để trở thành dầu gốc bôi trơn nguyên chất có chất lượng cao.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>SN 150</b>	Kinematic Viscosity @ 100°C	4.75–5.25 mm <sup>2</sup> /s	ASTM D 445
	Pour Point	-9°C	ASTM D 97
	Viscosity Index:	103	ASTM D 2270
	Total Sulphur, Mass%	0.6 %	ASTM D 4294
<b>SN 500</b>	Kinematic Viscosity @ 100°C	10.75-11.25 mm <sup>2</sup> /s	ASTM D 445
	Pour Point	-9°C	ASTM D 97
	Viscosity Index	95	ASTM D 2270
	Total Sulphur, Mass%	0.6%	ASTM D 4294
<b>Bright Stock BS 150</b>	Kinematic Viscosity @ 100°C	31.0-34.0 mm <sup>2</sup> /s	ASTM D 445
	Pour Point	-9°C	ASTM D 97
	Viscosity Index	95	ASTM D 2270
	Total Sulphur, Mass%	0.8%	ASTM D 4294





# SÁP

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>150 SW</b>	ASTM Color	0.5 Max	ASTM D 1500-91
	Oil Content, Mass%	10% Max	ASTM D 721-87(93)
	Congealing Point	51-58°C	ASTM D 938
	Kinematic Viscosity @ 100°C	2.5-5.5 Cst	ASTM D 445-94
<b>500 SW</b>	ASTM Color	0.5 Max	ASTM D 1500-91
	Oil Content, Mass%	13% Max	ASTM D 721-87(93)
	Congealing Point,	60-67°C	ASTM D 938
	Kinematic Viscosity @ 100°C	6.0-9.0 Cst	ASTM D 445-94
<b>BS SW</b>	ASTM Color	0.5 Max	ASTM D 1500-91
	Oil Content, Mass%	10% Mass%	ASTM D 721-87(93)
	Congealing Point	70-77°C	ASTM D 938
	Kinematic Viscosity @ 100°C	15.0-20.0 Cst	ASTM D 445-94





## CHIẾT XUẤT

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>150 Extract</b>	Kinematic Viscosity @ 100°C	5-15 mm <sup>2</sup> /s	ASTM D 445
	Flash Point, COC	180°C, Min	ASTM D 92
	Pour Point	+24°C, Max	ASTM D 97
	Aline Point	50°C, Max	ASTM D 611
	Total Sulphur	6.2 Mass% Max	ASTM D 4294
<b>500 Extract</b>	Kinematic Viscosity @ 100°C	Report	ASTM D 445
	Flash Point, COC	220°C, Min	ASTM D 92
<b>DAE</b>	Pour Point	+30°C, Max	ASTM D 97
<b>Rubber Processing Oil</b>	Aline Point	60°C, Max	ASTM D 611
<b>High Aromatic Extender Oil</b>	Total Sulphur	6.2 Mass% Max	ASTM D 4294
<b>BS Extract</b>	Kinematic Viscosity @ 100°C	60-120 mm <sup>2</sup> /s	ASTM D 445
	Flash Point, COC	250°C, Min	ASTM D 92
<b>RAE</b>	Pour Point	30°C, Max	ASTM D 97
<b>Rubber Processing Oil</b>	Aline Point	70°C, Max	ASTM D 611
	Total Sulphur	6.0 Mass% Max	ASTM D 4294





## NHỰA ĐƯỜNG

Nhựa đường hoặc hắc ín là sản phẩm nặng nhất thu được từ quá trình chưng cất dầu thô. Nhựa đường chủ yếu được sử dụng để lát vỉa hè, đường giao thông, bãi đậu xe, đường băng sân bay.

Commercial Name	Key Property	Specifications	Test Method
<b>Bitumen 60/70</b>	Penetration Test @ 25°C	60-70	ASTM D 5
	Softening Point	45-55°C	ASTM D 36
	<b>Residue from Thin-Film Oven Test</b>		
	Dynamic Shear Rheology $G^*/\sin\delta$ at 10 rad/s	1.0 Min kPa @ 64°C	ASSHTO T 315
<b>Bitumen 40/50</b>	Penetration Test @ 25°C	40-50	ASTM D 5
	Softening Point	48-58°C	ASTM D 36
	<b>Thin Film Oven Test</b>		
	Retained Penetration	58 Min	ASTMD1754 / ASTMD5
	Dynamic Shear Rheology $G^*/\sin\delta$ at 10 rad/s	1.0 Min kPa @ 70°C	AASHTO T 315

### Thông Tin Liên Hệ

<https://www.thaioilgroup.com/en/contact-us/>

Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000

# NHÓM SẢN PHẨM AROMATICS



## PARAXYLENE

Paraxylene được sử dụng trong nhà máy hóa dầu làm nguyên liệu để sản xuất PTA (Axit Terephthalic). Hiện nay, 65% PTA được sử dụng để sản xuất sợi Polyester hoặc sợi tổng hợp, dùng làm vải cho hàng may mặc như quần áo và túi vải.

Key Property	Specifications	Test Method
Para-Xylene Purity	99.7 %wt Min	ASTM D 5917
Meta-Xylene	0.30 %wt Max	ASTM D 5917
Total Sulphur	1 mg/kg Max	ASTM D 5453 / D 7183
Total Chloride	10 mg/kg Max	ASTM D 5808



## BENZENE

Benzen là nguyên liệu thô cho các nhà máy hóa dầu để tổng hợp các hóa chất bao gồm Styrene Monomer, Cumene và Cyclohexane, các chất này sau đó sẽ được tiếp tục sử dụng trong ngành công nghiệp hóa dầu để sản xuất các sản phẩm cải tiến hơn.

Key Property	Specifications	Test Method
Benzene Purity	99.8 %wt Min	ASTM D 7504
Toluene	0.10 %wt Max	ASTM D 7504
Non-Aromatics	1.5 %wt Max	ASTM D 7504



## TOLUENE

Toluene có nhiều ứng dụng trong thương mại và công nghiệp, như dùng để pha trộn trong xăng để tăng giá trị Octan, ngoài ra Toluene cũng được sử dụng rộng rãi làm dung môi trong sơn, chất pha loãng, mực in, chất kết dính và thuốc trừ sâu.

Key Property	Specifications	Test Method
<b>Toluene</b>	99.7 %wt Min	UOP 744
<b>Non-Aromatics</b>	1.5 %wt Max	UOP 744
<b>Benzene</b>	100 mg/kg Max	UOP 744 / ASTM D7504



## MIXED XYLENE (ISOMER)

Hỗn hợp Xylene là nguyên liệu chính cho các nhà máy hóa dầu để sản xuất Paraxylene. Ngoài ra Xylene cũng có thể được sử dụng để tăng chỉ số Octan trong xăng, cũng như là dung môi cho các chất phủ bề mặt, thuốc diệt côn trùng, sơn và chất kết dính, v.v.

Key Property	Specifications	Test Method
<b>C8 Aromatics Purity</b>	98.0 %wt Min	UOP 744
<b>Non- Aromatics</b>	1 %wt Max	UOP 744
<b>Ethyl Benzene</b>	18 %wt Max	UOP 744

### Thông Tin Liên Hệ

 <https://www.thaioilgroup.com/en/contact-us/>

 Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000

# NHÓM SẢN PHẨM LABIX



## LINEAR ALKYL BENZENE (LAB)

LAB (Linear Alkyl Benzene) là hợp chất chính trong sản xuất chất tẩy rửa và các chế phẩm làm sạch. LAB được sản xuất thông qua quá trình alkyl hóa Benzen và Parafin, là những chế phẩm từ quá trình tinh lọc dầu thô. Hầu hết LAB sẽ được sử dụng để sản xuất LAS (Linear Alkylbenzene Sulfonate), và sau đó LAS sẽ được dùng để sản xuất chất tẩy rửa và các sản phẩm làm sạch khác.

Key Property	Specifications	Test Method
N-Alkylbenzene	92 Min	UOP 673
Molecular weight distribution	237 - 244	UOP 673
Bromine Index	10 Max	UOP 304
Density @ 15°C	0.855-0.870	ASTM D 4052



## HEAVY ALKYL BENZENE (HAB)

Key Property	Specifications	Test Method
Density @ 15°C	0.860-0.890	ASTM D 4052
Kinematic Viscosity @ 40°C	10 Min	ASTM D 445
ASTM Color	5.0 max	ASTM D 1500



## RAFFINATE (WHITE SPIRIT)

Key Property	Specifications	Test Method
Density @ 15.0°C	0.800-0.820	ASTM D 4052
Distillation, IBP	160.0 Min	ASTM D 86
Distillation, FBP	270.0 Max	ASTM D 86
Aromatics	15.0-25.0	ASTM D 1319



## ỨNG DỤNG CỦA NHÓM SẢN PHẨM LABIX

- Bột giặt
- Nước giặt
- Nước rửa chén
- Nước lau sàn
- Thuốc diệt cỏ
- Tổng hợp Polyme
- Chất nhũ hóa
- Chất làm ướt

### Thông Tin Liên Hệ

 <https://www.thaioilgroup.com/en/contact-us/>

 Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000

# DUNG MÔI & HÓA CHẤT



## NHÓM DUNG MÔI HYDROCARBON

TOP Solvent sản xuất nhiều loại dung môi hydrocacbon khác nhau, bao gồm parafin, chất béo, SBPs, dầu khoáng, hỗn hợp các chất thơm. Nhóm sản phẩm này có rất nhiều ứng dụng trong công nghiệp hóa dầu, sản xuất sơn & chất phủ, chất kết dính & chất chống rò rỉ, chất tẩy rửa, thuốc diệt côn trùng, dầu ăn cho đến sản xuất lốp xe.

### ALIPHATIC

Cyclohexane  
Cyclopentane  
GTL Solvent (Gas to Liquid)  
Hexane Extraction  
Hexane Polymer  
Isopentane  
N-Pentane 95  
N-Pentane 99  
Pentane 60/40  
Pentane 80/20  
TOPSol 60/145  
TOPSol BF  
TOPSol D40  
TOPSol D80  
TOPSol TC  
TOPSol X2000

### AROMATIC

C10 Plus  
C9 Plus  
Mixed Xylene (Isomer Grade)  
Mixed Xylene (Solvent Grade)  
Toluene  
TOPSol A100  
TOPSol A150ND  
TOPSol A200

### WHITE SPIRIT

LAWS 3040  
TOPSol 2046  
WS 200





## DUNG MÔI HÓA CHẤT

TOP Solvent là một trong những nhà phân phối hóa chất hàng đầu tại Châu Á. Chúng tôi có khả năng cung cấp đa dạng các chủng loại hóa chất khác nhau, từ hóa chất cơ bản cho tới các hóa chất đặc biệt được sản xuất từ các đối tác chiến lược hàng đầu trên thế giới. Không chỉ cung cấp hóa chất, chúng tôi còn trở thành đối tác cung cấp giải pháp kỹ thuật cho khách hàng của mình trong nhiều lĩnh vực như sản xuất sơn & chất phủ, chất pha loãng, chất kết dính & chất chống rò rỉ, mực in, dung dịch rửa kính, thực phẩm & đồ uống, cho tới các sản phẩm vệ sinh gia dụng, và sản phẩm chăm sóc cá nhân.

### ALCOHOL

Denatured Ethanol 95  
Iso-Butanol (IBA)  
Isopropanol (IPA)  
Methanol  
N-Butanol (NBA)  
N-Propanol (NPA)

### KETONE

Cyclohexanone (CYC)  
Diacetone Alcohol (DAA)  
Dimethyl Ketone (Acetone)  
Isophorone  
Methyl Ethyl Ketone (MEK)  
Methyl Isobutyl Ketone (MIBK)

### ESTER

Butyl Acetate (BAC)  
Butyl Glycol Acetate (EGBEA)  
Ethyl Acetate (EAC)  
Iso Butyl Acetate (IBAC)  
Methyl Acetate (MAC)  
N-Propyl Acetate (NPAC)  
Sec-Butyl Acetate (SBAC)  
TOPSol PMA (PGMEA)

### GLYCOL

Butyl Diglycol Ether (BDGE)  
Butyl Glycol Ether (BGE)  
Diethylene Glycol (DEG)  
Ethyl Diproxitol (EDP)  
Monoethylene Glycol (MEG)  
Monopropylene Glycol (MPG)  
TOPSol PM (PGME)  
Triethylene Glycol (TEG)

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Thái Lan

Điện Thoại : +66(0)-2797-2933, +66(0)-2299-0003

### Việt Nam

Điện Thoại : +84-28-3827-90(30-34)

### Ấn Độ

-

### Indonesia

Điện Thoại : +62-21-8082-1308

### Myanmar

Điện Thoại : +95-1-505-085

### Các nước khác

Điện Thoại : +662-797-2933



# Thông tin liên hệ Thairoil / Thai Lube / Thai Paraxylene / Labix

## Văn phòng Bangkok

555/1 Energy Complex Building A, 11th Floor  
Vibhavadi Rangsit Road, Chatuchak, Chatuchak, Bangkok 10900

Điện Thoại : +66(0)-2797-2999, +66(0)-2299-0000, +66(0)-2797-2900  
Fax : +66(0)-2797-2970

## Nhà máy

42/1 Moo 1, Sukhumvit Road Km. 124,  
Tungsukla, Sriracha, Chonburi 20230

Điện Thoại : +66(0)-3840-8500, +66(0)-3835-9000  
Fax : +66(0)-3835-9019

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

Link: <https://www.thairoilgroup.com/en/contact-us/>

# Thông tin liên hệ TOP Solvent

## Trụ Sở Chính (Thái Lan)

555/1 Energy Complex Building A, 11th Floor  
Vibhavadi Rangsit Road, Chatuchak, Chatuchak, Bangkok 10900

Điện Thoại : +66(0)-2797-2933, +66(0)-2299-0003  
Fax : +66(0)-2797-2983

## TOP Solvent Company Limited (Vietnam)

18 Nguyen Co Thact Street, An Loi Dong Ward  
Ho Chi Minh City

Điện Thoại : +84-28-3827-90(30-34)

## PT Tirta Surya Raya (Indonesia)

Synergy Building 12th Floor, Unit 12-09,  
JL Jalur Sutera Barat No 17, Alam Sutera, Panunggangan Timur,  
Pinang, Kota Tangerang, Banten 15325

Điện Thoại : +62-21-8082-1308  
Fax: +62-21-8082-1307

## JSKEM PTE LTD (Singapore)

24 Sin Ming Lane, #06-97, Midview city, Singapore, 573970

Điện Thoại : +65 6659 1073/6659 1074  
Fax: +65 6659 1075

